

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÂM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 23-24.8 THÁNG 8 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						459 700	76 369	383 331			
I		CẢNG CHÍNH						136 969	13 301	123 668			
		<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						<i>1 200</i>	<i>1 184</i>	<i>16</i>			
1		MẬT TRỜI VIỆT NINH BÌNH	15/8	2002/8	22/8	BN 8530	CỤC XÔ 1C	1 200	1 184	16	22/8	TD	GIA HẠN L1
		<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						<i>35 950</i>	<i>12 117</i>	<i>23 833</i>			
1		NHÔM ĐẮK NÔNG	19/8	2119/8		THANH BÌNH 68	CÁM 5A.1	2 900	1 502	1 398	RÓT DỖ	HỘ LỚN	
2		NHÔM LÂM ĐÔNG	19/8	2120/8	29/8	THANH BÌNH 68	CÁM 5A.1	4 200	2 764	1 436	RÓT DỖ	HỘ LỚN	
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	17/8	522/8		VIỆT THUẬN 235-02	CÁM 6A.1	25 100	5 123	19 977	RÓT DỖ	HỘ LỚN	TTCO: 25.100
4		KDT MIỀN BẮC	19/8	2117/8	29/8	HOÀNG ANH 268	CÁM 5A.1	3 750	2 728	1 022	RÓT DỖ	PTCB	
		<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						<i>99 819</i>		<i>99 819</i>			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	13/7	455B/7		VIỆT THUẬN 26-01	CÁM 6A.1	25 600		25 600		HỘ LỚN	Thay TBRT số 455/7 TTCO: 25.600
2		ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ	28/7	484/7		VIỆT THUẬN 235-01	CÁM 5A.10	23 000		23 000		HỘ LỚN	TTCO: 23.000
3		ĐIỆN DUYÊN HẢI	20/8	525/8		VINACOMIN 30-01	CÁM 6A.14	26 600		26 600		HỘ LỚN	TTCO: 11.600 TTHG: 15.000
4		KDT MIỀN BẮC	20/8	2145/8	30/8	THANH BÌNH 18	CÁM 5A.1	2 200		2 200		PTCB	
5		CP XNK THAN	21/8	2149/8	31/8	VIỆT THUẬN 03-02	CÁM 5A.1	2 969		2 969		PTCB	
6		THAN MIỀN TRUNG	12/8	2045/8	19/8	VIỆT TRUNG 68	CỤC XÔ 1C	1 300		1 300		TD	
7		ĐTTM & DỊCH VỤ	15/8	2070/8	22/8	BN 2665	CÁM 4A.1	2 200		2 200		TD	
8		THAN SỐNG HỒNG	16/8	2079/8	23/8	BN 1816	CÁM 4A.1	1 000		1 000		TD	
9		THAN SỐNG HỒNG	16/8	2080/8	23/8	BN 1856	CÁM 4A.1	1 050		1 050		TD	
10		VTA	17/8	2093/8	24/8	BN 2611	CÁM 8A	1 100		1 100		TD	
11		ĐTTM & DỊCH VỤ	18/8	2115/8	25/8	HN 2402	CÁM 4A.1	2 500		2 500		TD	
12		XD CN MỎ	19/8	2121/8	26/8	BN 8707	CỤC XÔ 1C	1 300		1 300		TD	
13		DVVT QUẢNG NINH	20/8	2142/8	27/8	BN 1798	CÁM 4B.1	1 300		1 300		TD	
14		THAN MIỀN TRUNG	20/8	2045/8	27/8	VIỆT TRUNG 68	CỤC XÔ 1C	1 300		1 300		TD	GIA HẠN L1
15		DVVT QUẢNG NINH	20/8	2138/8	27/8	BN 1818	CÁM 4B.1	1 900		1 900		TD	
16		CP VẬN TẢI THỦY	20/8	2143/8	27/8	BN 2115	CÁM 4B.1	1 400		1 400		TD	
17		CP VẬN TẢI THỦY	20/8	2144/8	27/8	BN 2706	CÁM 4B.1	1 600		1 600		TD	
18		KDT HÀ NỘI	21/8	2146/8	28/8	HN 2534	CỤC 4A.1	1 500		1 500		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 23-24.8 THÁNG 8 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		<u>Tàu chuyển tải</u>						<u>152 350</u>	<u>34 125</u>	<u>118 225</u>			
		<u>Tàu đã làm hàng</u>											
		<u>Tàu dự kiến rút trong ngày</u>						<u>69 900</u>	<u>34 125</u>	<u>35 775</u>			
1		ĐIỆN VINH TÂN 1	11/8	512/8		HẢI NAM 39	CÁM 6A.1	28 650	25 425	3 225	ĐỎ	HỘ LỚN	TTHG: 23.000 KVCP: 5.650
2		ĐIỆN VINH TÂN 1	14/8	516/8		VIỆT THUẬN STAR	CÁM 6A.14	41 250	8 700	32 550	ĐỎ	HỘ LỚN	KDTCP: 10.000 - CLM: 20.000 - KVCP: 11.250
		<u>Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)</u>						<u>82 450</u>		<u>82 450</u>			
1		ĐIỆN VINH TÂN 1	19/8	524/8		TRƯỜNG NGUYỄN SKY	CÁM 6A.1	26 300		26 300		HỘ LỚN	TTHG: 21.000 - KVCP: 5.300
2		ĐIỆN VINH TÂN 2	20/8	517B/8		HẢI NAM 39	CÁM 6A.14	28 650		28 650		HỘ LỚN	KDTCP: 7.000 - XNKT: 10.000 - KVCP: 11.2650 Thay TBRT Số 517/8
3		ĐIỆN VINH TÂN 2	20/8	526/8		HẢI NAM 79	CÁM 6A.10	27 500		27 500		HỘ LỚN	KDTCP: 10.000 - XNKT: 13.000 - KVCP: 4.500
II		<u>KHO G9-HÓA CHẤT</u>						<u>62 770</u>	<u>10 187</u>	<u>52 583</u>			
		<u>Tàu đã làm hàng</u>											
		<u>Tàu dự kiến rút trong ngày</u>						<u>20 414</u>	<u>10 187</u>	<u>10 227</u>			
1		KDT CẦU ĐUÔNG	18/8	2110/8	28/8	BN 1916	CÁM 7C	1 440	777	663	RÓT ĐỎ	PTCB	NGUỒN ĐN-CS
2		KDT MIỀN BẮC	19/8	2122/8	29/8	QN 8233	CÁM 6B.1	1 610	905	705	RÓT ĐỎ	PTCB	
3		KDT MIỀN BẮC	19/8	2124/8	29/8	HP 6559	CÁM 6B.1	1 636	811	825	RÓT ĐỎ	PTCB	
4		KDT HẢI PHÒNG	18/8	2111/8	28/8	HP 4854	CÁM 7C	1 350	946	404	RÓT ĐỎ	PTCB	NGUỒN ĐN-CS
5		KDT HẢI PHÒNG	20/8	2141/8	30/8	BN 2329	CÁM 6B.1	1 500	951	549	RÓT ĐỎ	PTCB	NGUỒN ĐN-CS
6		THAN MIỀN NAM	22/8	2065/8	21/8	HẢI ẬU 199	CÁM 8A	2 300	1 032	1 268	RÓT ĐỎ	TD	NGUỒN ĐN-CS GIÁ HẠN LẦN 1
7		ĐITM & DỊCH VỤ	13/8	1973/8	20/8	ND 3692	CÁM 8A	2 400	723	1 677	RÓT ĐỎ	TD	NGUỒN ĐN-CS GIÁ HẠN LẦN 1
8		VT QUẢNG NINH	17/8	2092/8	24/8	BN 2629	CÁM 8A	1 950	951	999	RÓT ĐỎ	TD	NGUỒN CS
9		VIỆT THUẬN 235-07	18/8	4 240		QNL - TĐ 09	TNK - LÃO	6 228	3 090	3 138	BỐC ĐỎ	BỐC THAN NK	
		<u>Tàu đã làm lệnh</u>						<u>42 356</u>		<u>42 356</u>			
1		KDT HÀ BẮC	20/8	2136/8	30/8	BN 2555	CÁM 7B	2 950		2 950		PTCB	NGUỒN CS
2		HÀNG HẢI VIỆT NAM	13/8	1977/8	20/8	BN 1486	CÁM 8A	1 600		1 600		TD	NGUỒN ĐN-CS GIÁ HẠN LẦN 1
3		VT THỦY	15/8	2074/8	22/8	BN 2222	CÁM 8A	1 672		1 672		TD	NGUỒN ĐN-CS
4		XNK ANH KHOA	17/8	2091/8	24/8	HP 6563	CÁM 8A	2 200		2 200		TD	NGUỒN CS

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 23-24.8 THÁNG 8 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
5		XNK VTA	17/8	2093/8	24/8	BN 2611	CẨM 8A	1 100		1 100		TD	NGUỒN CS
6		TB THÁI SƠN HP	17/8	2097/8	24/8	QN 8876	CẨM 8A	1 986		1 986		TD	NGUỒN ĐN-CS
7		TRƯỜNG ANH 888	18/8	2107/8	25/8	HD 2266	CẨM 8A	1 979		1 979		TD	NGUỒN CS
8		THAN MIỀN TRUNG	18/8	2109/8	25/8	VIỆT TRUNG 69	CẨM 8A	2 000		2 000		TD	NGUỒN C6
9		XNK VTA	18/8	2113/8	25/8	QN 8764	CẨM 8A	1 500		1 500		TD	NGUỒN CS
10		TRƯỜNG ANH 888	18/8	2116/8	25/8	AN VINH 68	CẨM 8A	2 150		2 150		TD	NGUỒN C6
11		XDCN MỎ	19/8	2118/8	29/8	HD 3028	CẨM 8A	2 879		2 879		TD	NGUỒN ĐN-C6
12		XNK ANH KHOA	19/8	2128/8	29/8	HOÀNG ANH 28	CẨM 8A	1 600		1 600		TD	NGUỒN ĐN-C6
13		KDT HÀ NỘI	19/8	1922/7	26/8	BN 0988	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-C7
14		DVVT QUẢNG NINH	20/8	2132/8	27/8	LAM HỒNG 99	CẨM 8A	2 150		2 150		TD	NGUỒN ĐN-C6
15		CP VẬN TẢI THỦY	20/8	2137/8	27/8	BN 3046	CẨM 8A	1 800		1 800		TD	NGUỒN ĐN-C6
16		SX & TM THAN UÔNG BÍ	20/8	2139/8	27/8	HD 2325	CẨM 8A	1 360		1 360		TD	
17		TRƯỜNG ANH 888	20/8	2140/8	27/8	BN 1883	CỤC XỔ 1B	1 300		1 300		TD	NGUỒN ĐN-C6
18		DVVT QUẢNG NINH	21/8	1937/8	28/8	BN 2139	CỤC XỔ 1A	1 050		1 050		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIẢ HẠN LẦN 3
19		VẬN TẢI & KDT	21/8	2033/8	28/8	BN 1336	CỤC XỔ 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIẢ HẠN LẦN 1
20		DVVT QUẢNG NINH	21/8	2044/8	28/8	BN 2388	CẨM 8A	1 500		1 500		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIẢ HẠN LẦN 1
21		XNK ANH KHOA	22/8	2150/8	29/8	TIỀN THỊNH 09	CẨM 8A	1 600		1 600		TD	
22		MV WOOLLOOMOOLOO	19/8	4 246		CỬA ÔNG 10	TNK - ÚC	2 100		2 100		BỐC THAN NK	
23		MV WOOLLOOMOOLOO	19/8	4 246		CẨM PHẢ 22	TNK - ÚC	3 880		3 880		BỐC THAN NK	
III		KHO BẢO NGUYỄN						-	-	-			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>											
		<i>Tàu dự kiến rót trong ngày</i>											
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>											
IV		KHO CẢNG KM6						12 305	2 556	9 749			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>											
		<i>Tàu dự kiến rót trong ngày</i>						4 820	2 556	2 264			
1		NHÔM LÂM ĐÔNG	19/8	2 126	29/8	HOÀNG ANH 39	Cẩm 5a.1	1 630	1 033	597	RÓT DỖ	HỘ LỚN	
							Cục 4A.2	1 340	602	739	RÓT DỖ	HỘ LỚN	
2		KDT HẢI PHÒNG	20/8	2134/8	30/8	HP 5686	Cẩm 5b.1	1 850	921	929	RÓT DỖ	PTCB	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 23-24.8 THÁNG 8 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>						<i>7 485</i>		<i>7 485</i>			
1		CROMIT CÔNG THANH HÓA	17/8	2084/8	27/8	MINH TẤN 68	Cám 5a.1	3 700		3 700		PTCB	
2		KĐT MIỀN BẮC	21/8	2147/8	31/8	BN 2728	Cám 6a.1	2 585		2 585		PTCB	
3		TỔ THÁI SƠN HP	20/8	2133/8	27/8	HP 7227	Cục Xổ 1b	1 200		1 200		TD	
V		<u>TÀU XUẤT KHẨU</u>						<u>50 000</u>	-	<u>50 000</u>			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>											
		<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>											
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>						<i>50 000</i>		<i>50 000</i>			
1		INDONESIA	7/8	5589		MV HUI FENG HAI 16	CỤC 5B.2	15 000		15 000			
2		HÀN QUỐC	14/8	5742		MV JIAN RUI 7	Cục 4A.3	4 000		4 000			
3		HÀN QUỐC	17/8	68/8		MV HAI PENG	CỤC 4B.3	5 000		5 000			
4		INDONESIA	17/8	5771		MV LI FA 2	CỤC 5B.2	23 000		23 000			
5		NHẬT BẢN	21/8	5887		MV RICH OCEAN	CÁM 3B.1	1 500		1 500			
							CÁM 3C.1	1 500		1 500			
VI		<u>TÀU NHẬP KHẨU</u>		<i>ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH</i>				<u>45 306</u>	<u>16 200</u>	<u>29 106</u>			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>											
		<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						<i>20 000</i>	<i>16 200</i>	<i>3 800</i>			
1		ÚC	12/8	5680		MV WOOLLOOMOOLOO	Than nhiệt xuất xứ từ Úc	20 000	16 200	3 800	BỐC ĐỔ		TTCO: 15.000 KVCP: 5.000
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>						<i>25 306</i>		<i>25 306</i>			
1		NAM PHI	13/8	5705		MV COMMON SPIRIT		14 906		14 906			TTCO: 5.000 - KVCP: 9.960
2		LÀO	21/8	5917		VIỆT THUẬN 26-03	Than Anthracite Lào	5 400		5 400			TTCO: 5.400
3		LÀO	21/8	5919		VIỆT THUẬN 26-02	Than Anthracite Lào	5 000		5 000			TTCO: 5.000

